TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG TÍN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2023
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trang

Ông Dương Minh Khương

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hà Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 278/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 2 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thanh T** – sinh năm 1982 (*có mặt)*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn V, xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Công Đ** - sinh năm 1982 *(vắng mặt)*

Nơi đăng ký thường trú và trú tại: thôn V, xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/9/2022 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Công Đ được tự do, tự nguyện tìm hiểu và về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 15/9/2008 tại UBND xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh Đ tại thôn V,

xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên có những lời nói lăng mạ, xỉ nhục xúc phạm chị. Năm 2019 chị đã làm đơn ra Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng lại rút đơn về, tuy nhiên vợ chồng chung sống không hạnh phúc, anh Đ không thay đổi, ghen tuông và thường xuyên theo dõi chị. Tháng 4 năm 2022, anh Đ do ghen tuông chửi bới nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ đó cho đến nay. Chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng quay về đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 09/10/2009, Nguyễn Trà M sinh ngày 18/12/2011. Ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị làm nhân viên văn thư tại trường THPT N, thu nhập là 4.500.000 đồng/01 tháng. Về chỗ ở, sau ly hôn chị về nhà bố mẹ đẻ sống, có nhà ở đủ điều kiện nuôi dạy các con. Chị đã giao nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh về thu nhập cho Tòa án.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và chị T không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Nguyễn Công Đ có lời khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn như chị T khai là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà anh ở thôn V, xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ thỉnh thoảng hay cãi nhau. Cách đây 03 năm chị T đã nộp đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh nhưng lại rút đơn ly hôn về vợ chồng lại chung sống cùng nhau.Tháng 4 năm 2022, chị T cho rằng anh hay ghen tuông nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Anh Đ đã nhiều lần đến xin lỗi nhưng chị T nghe bạn bè xúi giục không quay về với chồng con, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh Đ không đồng ý ly hôn với chị T vì còn yêu thương vợ, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị quay về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị T hai con chung là cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 09/10/2009, Nguyễn Trà M sinh ngày 18/12/2011. Trường hợp chị T không đồng ý đoàn tụ, ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh Đ không tranh chấp về tài sản, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà:

+Chị T : giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không tranh chấp và không yêu cầu xem xét.

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành đúng quyền nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của mình.

-Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Công Đ. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 09/10/2009 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và cháu Nguyễn Trà M sinh ngày 18/12/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị T , anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét. Chị T , anh Đ có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đ diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là "Tranh chấp ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Công Đ đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Công Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/9/2008 tại UBND xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp

theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Chị T và anh Đ đều xác nhận từ tháng 4 năm 2022, do mâu thuẫn nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không quan T đến nhau. Mặt khác theo các bên đương sự thừa nhận từ năm 2019 do chung sống không hạnh phúc, hòa hợp nên chị T đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn ly hôn để quay về đoàn tụ. Qua xác minh hai bên gia đình anh chị mâu thuẫn vợ chồng do anh Đ hay nghi ngờ, ghen tuông chị T ngoại tình không có căn cứ. Như vậy thể hiện cuộc sống hôn nhân của anh chị có mâu thuẫn từ nhiều năm nay. Anh Đ không đồng ý ly hôn, quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng chị T không đồng ý về chung sống cùng anh Đ. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Công Đ.

[4] Về con chung: Chị T và anh Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 09/10/2009, Nguyễn Trà M sinh ngày 18/12/2011. Xét thấy, yêu cầu xin trực tiếp nuôi dưỡng cả con chung của chị T và anh Đ đều chính đáng.Về điều kiện nuôi dưỡng các con của chị T và anh Đ là tương đương nhau. Cháu Nguyễn Gia B là con trai đã lớn 14 tuổi có thể tự chăm sóc được bản thân nên giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Cháu Trà M là con gái và có nguyện vọng sống cùng mẹ nên giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Do đó để đảm B quyền lợi mọi mặt của con, điều kiện chăm sóc, giáo dục tốt nhất của chị T và anh Đ đối với các con và phù hợp với nguyện vọng của các con anh chị, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Gia B cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và cháu Nguyễn Trà M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị T , anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Chị T , anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T , anh Đ không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[6]Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26- Luật thi hành án dân sự năm 2008.

- Điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T . Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Công Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 09/10/2009 cho anh Nguyễn Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao con chung là cháu Nguyễn Trà M sinh ngày 18/12/2011 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị T , anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Chị T , anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T , anh Đ không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số AA/2020/0023135 ngày 01/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Công Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
-TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
-Chi cục THA huyện Thường Tín;
- UBND xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

Trần Thị Thu Hiền